# TỔNG QUAN CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM

# I.VAI TRÒ CỦA HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG

## 1. Khái niệm truyền thông

Truyền thông là hoạt động cung cấp thông tin, kiến thức, trao đổi tư tưởng, tình cảm, chia sẻ kỹ năng và kinh nghiệm giữa hai hoặc nhiều người, nhằm mở mang hiểu biết, nâng cao nhận thức, hướng tới thay đổi thái độ và hành vi xã hội.

## 2. Các chủ thể của hoạt động truyền thông

### a. Cá nhân

Trong bối cảnh thông tin mạng xã hội phát triển, mỗi cá nhân đều cần có kiến thức và kỹ năng truyền thông để nắm bắt các cơ hội, lợi ích mà truyền thông xã hội mang lại, đồng thời ứng phó với những thách thức của truyền thông xã hội.

Các kỹ năng truyền thông cơ bản bao gồm:

+ Quản lý thời gian tham gia mạng xã hội để tránh lãng phí thời gian.

Việt Nam là một trong số các nước có số lượng lớn người dân tham gia mạng xã hội và ngày càng phụ thuộc vào mạng xã hội, nhiều người có nguy cơ “nghiện” mạng xã hội. Theo số liệu của Bộ Thông tin và Truyền thông, trong năm 2017, trung bình mỗi người Việt Nam bỏ ra tới 2 giờ 34 phút mỗi ngày cho mạng xã hội. Dịch vụ mạng xã hội trở thành nhu cầu thiết yếu, như cơm ăn nước uống, quan trọng hơn cả đọc báo, nghe đài, xem truyền hình.

Với thời gian đó, người dùng mạng xã hội Việt Nam thật sự thu được những gì? Không ít người lên mạng nhưng không có mục đích cụ thể, chủ yếu dành nhiều thời gian cho nhu cầu giải trí. Do đó, việc quản lý thời gian của mỗi người trên mạng xã hội là vấn đề quan trọng. Phương châm quản lý thời gian trên mạng xã hội là mỗi lần lên mạng đều phải có một mục tiêu, yêu cầu cụ thể. Rời khỏi mạng xã hội khi đã hoàn thành mục tiêu đặt ra, không lãng phí thời gian để lang thang trên Internet khi không có nhu cầu cụ thể.

+ Thận trọng khi tiếp cận thông tin trên mạng   
xã hội

Thông tin trên mạng xã hội có nhiều thông tin thật, giả lẫn lộn, độ tin cậy không cao. Do đó, khi tiếp nhận thông tin trên mạng xã hội, mỗi cá nhân đều cần có đầu óc phê phán, biết chọn lọc, kiểm tra, xác minh, xử lý thông tin trước khi sử dụng thông tin đó. Không để mình trở thành nạn nhân của tội phạm trên mạng xã hội vì nhẹ dạ cả tin.

+ Cẩn trọng khi đưa thông tin lên mạng xã hội

Khi tham gia mạng xã hội, chia sẻ thông tin và hình ảnh lên mạng xã hội; tham gia diễn đàn trên mạng xã hội, mỗi cá nhân cũng cần thể hiện tinh thần trách nhiệm và ứng xử một cách có văn hóa.

Không để lộ thông tin cá nhân, bí mật đời tư của bản thân và gia đình, cũng như hình ảnh và bí mật đời tư của người khác.

+ Khi tham gia các diễn đàn tự phát trên mạng xã hội, cần tuân thủ nguyên tắc tôn trọng ý kiến khác biệt của người khác; phát ngôn, ứng xử có văn hóa, tôn trọng sự thật, tôn trọng lẽ phải; đấu tranh bác bỏ những thông tin xuyên tạc, luận điểm sai trái.

+ Mỗi cá nhân cần biết quản lý hình ảnh và phát ngôn của mình, để phòng ngừa khủng hoảng truyền thông.

Khi gặp khủng hoảng truyền thông, mỗi người cần có kỹ năng xử lý khủng hoảng truyền thông, theo phương châm biến “đại sự” thành “tiểu sự”, biến “tiểu sự” thành “vô sự”, không để “chuyện bé xé ra to”.

### b. Tổ chức Đảng

Đảng Cộng sản Việt Nam có hệ thống cơ quan Tuyên giáo và Dân vận từ Trung ương đến cơ sở, cùng với hệ thống báo chí của Đảng, là những công cụ rất mạnh thực hiện công tác thông tin tuyên truyền.

Hiện nay, công tác thông tin tuyên truyền của Đảng đang được đổi mới về nội dung, hình thức và cách thức hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả truyền thông.

### c. Cơ quan nhà nước

Công tác truyền thông của cơ quan nhà nước là hoạt động có tổ chức thông qua giao tiếp, cung cấp, trao đổi, chia sẻ thông tin nhằm nâng cao hiểu biết, sự đồng thuận và tin tưởng của công chúng.

Mục đích của công tác truyền thông nhà nước là tăng cường hiểu biết lẫn nhau giữa cơ quan nhà nước với dân, tạo dựng và củng cố lòng tin tưởng của dân vào cơ quan nhà nước.

Ở nơi nào mà người dân tin tưởng vào cơ quan nhà nước và người lãnh đạo cơ quan nhà nước, thì ở đó, công tác truyền thông đạt hiệu quả tốt.

Ngược lại, ở địa phương nào, cơ sở nào mà người dân thiếu tin tưởng vào cơ quan nhà nước và lãnh đạo cơ quan nhà nước, thì ở đó, công tác truyền thông chưa đạt được mục tiêu yêu cầu.

Công tác truyền thông của cơ quan nhà nước cũng nhằm tranh thủ sự ủng hộ, hợp tác và tham gia tích cực của người dân trong quá trình xây dựng chính sách, pháp luật, xây dựng chính quyền của nhân dân.

Một chủ trương của cơ quan nhà nước được đông đảo người dân hoan nghênh, đồng thuận, ủng hộ, hợp tác, chứng tỏ công tác truyền thông của cơ quan nhà nước đó đã đạt được hiệu quả tốt đẹp.

Ngược lại, một chủ trương, chính sách mới của cơ quan nhà nước bị đông đảo người dân thể hiện sự không đồng tình, thì có thể thấy công tác truyền thông của cơ quan nhà nước đó chưa đạt yêu cầu.

Công tác truyền thông của cơ quan nhà nước còn nhằm tạo dựng và giữ gìn hình ảnh, uy tín của cơ quan nhà nước và lãnh đạo cơ quan nhà nước.

Hình ảnh, uy tín của cơ quan nhà nước và lãnh đạo cơ quan nhà nước có thể bộc lộ qua việc giải quyết công việc hàng ngày, được phản ánh qua báo chí, nhất là khi có sự kiện nổi bật hoặc khi gặp khủng hoảng truyền thông.

Hình ảnh và uy tín của các vị đứng đầu cơ quan nhà nước được thể hiện qua các cuộc trả lời chất vấn của Quốc hội, Hội đồng nhân dân.

Đặc biệt, uy tín của lãnh đạo cơ quan nhà nước được thể hiện rõ nhất qua các cuộc lấy phiếu tín nhiệm của Quốc hội, của Trung ương Đảng, của Hội đồng nhân dân các cấp.

***d. Đơn vị sự nghiệp, tổ chức xã hội***

Các đơn vị sự nghiệp ngày càng quan tâm đến công tác truyền thông, đặc biệt là công tác phòng ngừa và ứng phó với khủng hoảng truyền thông.

Các Bộ, Ban, Ngành Trung ương coi công tác truyền thông là một trong những trụ cột trong kế hoạch công tác hàng năm và quan tâm tổ chức nhiều cuộc tập huấn công tác truyền thông cho cán bộ, công chức, viên chức; lãnh đạo quản lý các cơ quan trực thuộc. Công tác truyền thông, vì vậy đã có nhiều tiến bộ trong mấy năm qua.

Các tổ chức chính trị xã hội như Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam đều có các cơ quan báo chí là cơ quan ngôn luận thực hiện công tác truyền thông của mình.

### đ. Doanh nghiệp

Trong bối cảnh hiện nay, hầu như mọi doanh nghiệp muốn thành công đều phải biết cách làm truyền thông bài bản và hiệu quả. Ngược lại, những doanh nghiệp không có những phương thức truyền thông hiệu quả thì không quảng bá được thương hiệu, kém hiệu quả trong hoạt động sản xuất, kinh doanh...

Hầu hết các doanh nghiệp và hộ kinh doanh đều quan tâm và thực hiện việc quảng cáo, tiếp thị trên mạng xã hội, bán hàng trực tuyến, để tiết kiệm chi phí, tăng hiệu quả kinh doanh.

Việc tham gia mạng xã hội, quảng cáo trên mạng xã hội vừa có mặt tích cực nhưng cũng phát sinh những vấn đề ngoài tầm kiểm soát của chủ thể tham gia mạng xã hội, những mâu thuẫn và cạnh tranh trên môi trường mạng xã hội diễn ra thường xuyên, có những trường hợp sử dụng mạng xã hội để hạ bệ uy tín, thương hiệu của đối thủ cạnh tranh.

Các doanh nghiệp gặp khủng hoảng truyền thông mà không biết cách xử lý phù hợp thì sẽ có những thiệt hại rất lớn cả về vật chất, uy tín.

Vì vậy, kỹ năng sử dụng mạng xã hội, khai thác mạng xã hội và nhận biết, xử lý khủng hoảng truyền thông là một nội dung quan trọng đối với doanh nghiệp.

# **II.ĐỔI MỚI CÔNG TÁC** TRUYỀN THÔNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

## Những mặt hạn chế của công tác truyền thông nhà nước thời gian qua

Trong những năm qua, công tác truyền thông (thường gọi là công tác thông tin tuyên truyền) luôn luôn được Đảng và Nhà nước ta hết sức coi trọng.

Lực lượng chủ lực của công tác truyền thông là hệ thống các cơ quan Tuyên giáo từ trung ương đến cơ sở, cùng với ngành Thông tin và truyền thông, hệ thống báo đài, cơ quan truyền thông ở cơ sở rộng khắp trên cả nước.

Tuy nhiên, các cơ quan nhà nước các cấp chưa được coi là chủ thể chính của công tác truyền thông Nhà nước. Nhiều cán bộ đứng đầu cơ quan nhà nước chưa thật sự coi trọng công tác truyền thông và chưa được trang bị kiến thức và kỹ năng truyền thông cần thiết.

Trong bốn giai đoạn của chu trình ban hành chính sách, công tác thông tin tuyên truyền chỉ mới coi trọng việc tuyên truyền, phổ biến chính sách sau khi chính sách đã được ban hành. Trong khi đó, hoạt động truyền thông gần như thiếu vắng trong các giai đoạn còn lại: giai đoạn nghiên cứu chính sách, giai đoạn soạn thảo chính sách và giai đoạn sửa đổi, hoàn thiện chính sách.

Do đó, hiệu quả hoạt động truyền thông còn hạn chế, chưa đạt được mục tiêu chính của truyền thông là tạo ra sự hiểu biết, tin tưởng của người dân vào cơ quan nhà nước và lãnh đạo cơ quan nhà nước; chưa tạo được sự đồng thuận, ủng hộ, hợp tác và tham gia tích cực của người dân vào việc xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật và các hoạt động quản lý xã hội; chưa tạo được hình ảnh tích cực và uy tín cao của cơ quan nhà nước và lãnh đạo cơ quan nhà nước đối với dân.

## 2. Những biện pháp đổi mới công tác truyền thông nhà nước

### a. Đổi mới về nhận thức

Đổi mới nhận thức về vai trò của cơ quan nhà nước trong công tác truyền thông, thật sự coi cơ quan nhà nước là chủ thể chính của công tác truyền thông nhà nước.

Đổi mới nhận thức về vai trò của người đứng đầu cơ quan nhà nước trong công tác truyền thông nhà nước, theo đó, thủ trưởng cơ quan nhà nước là người chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác truyền thông nhà nước.

### b. Đổi mới tổ chức công tác truyền thông

Cơ quan nhà nước cần tổ chức công tác truyền thông một cách khoa học và hiệu quả, bố trí cán bộ phụ trách công tác truyền thông, thành lập bộ máy tham mưu giúp việc thủ trưởng cơ quan nhà nước về công tác truyền thông.

### c. Đổi mới phương pháp công tác truyền thông

Cơ quan nhà nước coi trọng thông tin phản hồi từ người dân với tinh thần cầu thị, lắng nghe, tiếp thu nghiêm túc các ý kiến hợp lý của người dân;

Cơ quan nhà nước cởi mở chấp nhận sự phản biện của người dân, thông qua đối thoại với dân để đạt được sự đồng thuận.

Cơ quan nhà nước chủ động tổ chức khảo sát, thăm dò dư luận một cách khoa học, khách quan, độc lập để hiểu đúng tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của người dân.

Cơ quan nhà nước coi trọng và thực hiện đúng quy định về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

 Cơ quan nhà nước coi trọng đối thoại trực tiếp với công dân, giải quyết những vấn đề người dân chưa hiểu đúng về các chủ trương, chính sách, quyết định của cơ quan nhà nước.

Cơ quan nhà nước coi trọng việc tham gia các vụ án hành chính, trực tiếp lắng nghe, đối thoại với người dân để giải quyết vấn đề mâu thuẫn giữa cơ quan nhà nước với dân.

Cơ quan nhà nước cần đổi mới phương thức truyền thông, thực hiện các hoạt động truyền thông trong cả chu trình ban hành chính sách: Thực hiện truyền thông ngay từ trước khi có chủ trương, trong suốt quá trình dự thảo chính sách, văn bản pháp luật, trong suốt quá trình thực hiện chính sách, và trong quá trình bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện chính sách.

Phải có phương thức truyền thông phù hợp để quảng bá, xây dựng hình ảnh phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội.

# III.TRỌNG TÂM CỦA CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG NHÀ NƯỚC

Mọi hoạt động của cơ quan nhà nước đều cần được truyền thông: Nhiệm vụ của công tác truyền thông nhà nước là thông tin cho người dân biết về mọi hoạt động của cơ quan nhà nước theo tinh thần công khai minh bạch, để dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, giám sát.

Tuy vậy, hoạt động truyền thông của cơ quan nhà nước cần tập trung vào những hoạt động quan trọng nhất của cơ quan nhà nước, liên quan nhiều nhất đến lợi ích của đông đảo nhân dân và được nhân dân đặc biệt quan tâm.

## 1. Hoạt động xây dựng chính sách

Chính sách do cơ quan nhà nước ban hành có tác động lớn nhất đến lợi ích của người dân. Do đó, quá trình xây dựng chính sách cần được thông tin kịp thời, đầy đủ, cụ thể để cho những người dân bị tác động bởi chính sách được biết, được bàn, được kiểm tra, giám sát, phản biện.

Làm tốt truyền thông về xây dựng chính sách sẽ góp phần bảo đảm chất lượng của chính sách và sự đồng thuận, ủng hộ của người dân đối với chính sách khi được ban hành.

Truyền thông về xây dựng chính sách giúp hạn chế tình trạng chính sách không sát thực tế, trái với đường lối chủ trương chung của Đảng, trái với Hiến pháp và Pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp và chính đáng của người dân.

Chính sách tốt phải xuất phát, dựa trên, và hướng đến các giá trị phổ quát, được chia sẻ bởi đông đảo các thành viên xã hội, cả trong và ngoài khu vực nhà nước.

## Hoạt động xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội

Xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội là quá trình xem xét, lựa chọn các phương án, giải pháp liên quan đến việc sử dụng đất đai, tài nguyên, kinh phí nhà nước và các nguồn lực khác, liên quan đến lợi ích của các thành phần xã hội. Hoạt động này được người dân đặc biệt quan tâm, do đó cơ quan nhà nước cần công khai minh bạch mọi thông tin liên quan đến quá trình xây dựng quy hoạch.

Quy hoạch là tiến hành lựa chọn trong số những phương án phát triển, rồi tìm cách bảo đảm thực hiện, dựa trên các nguồn lực có thể huy động được.

Quy hoạch là quá trình ra quyết định liên quan đến việc huy động các nguồn lực, trong đó các phương án lựa chọn sẽ không mang lại lợi ích đồng đều và như nhau đối với tất cả các thành viên trong xã hội.

Quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội là một hoạt động nhằm cụ thể hóa chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

Quy hoạch là một công cụ để quản lý sự phát triển của đất nước, thể hiện tầm nhìn, bố trí chiến lược về thời gian và không gian phát triển một ngành hay một vùng lãnh thổ.

Quy hoạch phát triển là sự cụ thể hóa các chiến lược phát triển, là cơ sở định hướng cho kế hoạch dài hạn và trung hạn.

Do xã hội có nhiều thành phần kinh tế, nhiều chủ thể kinh tế khác nhau với mục tiêu hoạt động của chủ thể là theo đuổi lợi ích tối đa về họ, không quan tâm đến lợi ích xã hội, do đó, cần có quy hoạch về: dự kiến bố trí địa điểm, không gian sử dụng tài nguyên thiên nhiên hợp lý, bảo đảm lợi ích xã hội tốt nhất và tạo điều kiện tốt cho hoạt động của các thành phần kinh tế.

## Hoạt động xây dựng dự án đầu tư công

Đầu tư công là hoạt động đầu tư của nhà nước vào các chương trình, dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội và đầu tư vào các chương trình, dự án phục vụ phát triển kinh tế, xã hội.

Cơ quan nhà nước khi xây dựng dự án đầu tư công cần công khai minh bạch thông tin cho dân biết, tạo điều kiện để người dân tham gia góp ý, phản biện, giám sát quá trình xây dựng và triển khai thực hiện.

## Hoạt động giám sát

Giám sát là việc chủ thể theo dõi, quan sát, xem xét, nhận định về việc làm của đối tượng chịu sự giám sát. Mục đích của giám sát là xem xét việc làm của đối tượng bị giám sát có đúng những điều quy định, những quy chế, chuẩn mực đã đặt ra; phát hiện những khiếm khuyết trong tổ chức và hoạt động của đối tượng bị giám sát để có những kiến nghị và biện pháp can thiệp, khắc phục kịp thời nhằm hướng hoạt động của đối tượng đi đúng hướng.

Người dân rất quan tâm đến hoạt động giám sát đối với cơ quan nhà nước để biết được hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền. Người dân cũng rất mong muốn được tham gia các hoạt động giám sát chính quyền, cả trực tiếp và gián tiếp, để ngăn ngừa tình trạng lạm quyền, tiêu cực, tham nhũng trong bộ máy nhà nước.

Do đó, cơ quan nhà nước cần coi trọng công tác truyền thông, công khai minh bạch các thông tin về hoạt động giám sát đối với cơ quan nhà nước.

Trong hệ thống chính trị nước ta hiện nay có hai loại giám sát là giám sát mang tính quyền lực nhà nước (Quốc hội, Hội đồng nhân dân) và giám sát xã hội mang tính quyền lực nhân dân (Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, phương tiện thông tin đại chúng và các cá nhân, cộng đồng...).

Giám sát và thanh tra, kiểm tra là một trong 4 giai đoạn của công tác quản lý nhà nước, bao gồm: giai đoạn ban hành quyết định quản lý; giai đoạn tổ chức thực hiện quyết định quản lý; để biết việc tổ chức thực hiện quyết định quản lý hiệu quả như thế nào thì phải có giám sát, thanh tra, kiểm tra; sau khi tiến hành giám sát, thanh tra, kiểm tra, phát hiện đối tượng bị giám sát, kiểm tra, thanh tra chưa làm đúng, có khiếm khuyết thì phải có cưỡng chế (chế tài bắt buộc đối tượng bị giám sát phải thực hiện cho đúng) hoặc phải có chỉnh sửa quyết định quản lý cho phù hợp.

Hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm tra đều được tiến hành theo ba công đoạn nối tiếp nhau: Thu thập thông tin, chứng cứ; tập hợp, phân tích thông tin, chứng cứ thu thập được; đánh giá và kết luận.

## Xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức

Khi cơ quan nhà nước gặp khủng hoảng truyền thông, một vấn đề được dư luận quan tâm nhiều nhất là việc xử lý kỷ luật đối với cán bộ sai phạm.

Do đó, cơ quan nhà nước cần coi trọng việc công khai minh bạch quá trình xem xét, xử lý kỷ luật đối với cán bộ sai phạm, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, quản lý.

Theo nguyên tắc giải quyết khủng hoảng truyền thông, khi cán bộ có trách nhiệm bị xử lý đúng mức, với tinh thần “xử lý đúng người, đúng lỗi vi phạm, đúng pháp luật, bất kể người đó là ai, không có vùng cấm”, thì sẽ tạo được lòng tin của nhân dân vào sự nghiêm minh của pháp luật, vào kỷ cương của Nhà nước.

# 

# IV.NHỮNG HOẠT ĐỘNG CHÍNH

# CỦA CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG NHÀ NƯỚC

## Cung cấp thông tin theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin

Quyền tiếp cận thông tin là một trong các quyền cơ bản của con người, được ghi trong Hiến pháp 2013 của Việt Nam.

Tuy nhiên, trước đây luật chưa quy định cụ thể về nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin; về cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin; về cách thức, hình thức, trình tự, thủ tục tiếp cận thông tin. Các văn bản pháp luật chủ yếu chỉ đề cập đến công khai một số thông tin trong các lĩnh vực hoặc chỉ quy định trách nhiệm một cách chung chung của cơ quan nhà nước trong việc cung cấp thông tin.

Nhu cầu thông tin của công dân đang ngày càng tăng, nhất là các thông tin liên quan trực tiếp đến việc thực hiện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân (như thông tin trong lĩnh vực quy hoạch đất đai, giao thông, xây dựng, đền bù, giải phóng mặt bằng, tình trạng ô nhiễm môi trường...).

Trong khi đó, hình thức công khai và cung cấp thông tin của các cơ quan nhà nước mới chỉ đáp ứng một phần nhu cầu của người dân, người dân mong muốn tiếp cận thông tin một cách chủ động, nhanh chóng và thuận tiện, trên nhiều kênh thông tin hơn.

Trên thực tế, phạm vi thông tin được công khai, hình thức công khai thông tin cũng như quy trình, thủ tục tiếp nhận yêu cầu và cung cấp thông tin theo yêu cầu tại các cơ quan nhà nước chưa được thực hiện thống nhất, còn phụ thuộc vào quy định của từng cơ quan.

Việc cơ quan nhà nước chưa cung cấp thông tin chính thống, chính xác, đầy đủ, kịp thời trong một số trường hợp đã tạo cơ hội cho những thông tin không đúng sự thật, gây dư luận xấu, ảnh hưởng đến trật tự và ổn định xã hội, ảnh hưởng tới sự đồng thuận xã hội trong việc xây dựng và triển khai thực hiện chính sách, pháp luật.

Việc chưa minh bạch, kịp thời trong cung cấp thông tin của các cơ quan nhà nước cũng tạo ra sự bất bình đẳng trong việc tiếp cận thông tin, đồng thời dẫn đến nguy cơ rủi ro trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; gây khó khăn cho việc xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh, cản trở quá trình hội nhập quốc tế, từ đó làm ảnh hưởng đến tính cạnh tranh và sự phát triển bền vững của nền kinh tế.

Từ những lý do đó, Luật Tiếp cận thông tin được Quốc hội khóa XIII thông qua vào tháng 4/2016, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2018.

Đây là đạo luật rất quan trọng, tạo khuôn khổ pháp lý cho việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân và nâng cao tính công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Luật tiếp cận thông tin quy định phạm vi các thông tin cơ quan nhà nước phải chủ động công khai và cung cấp theo yêu cầu tương đối rộng; trình tự, thủ tục công khai, cung cấp thông tin chặt chẽ; thời hạn xử lý, giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin ngắn và điều kiện gia hạn khắt khe; cơ quan nhà nước phải xem xét, đánh giá để cung cấp thông tin vì lợi ích cộng đồng; cơ quan nhà nước phải bảo đảm tính kịp thời, chính xác của thông tin và việc công khai, cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước đặt dưới cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ của nhân dân và các cơ quan có thẩm quyền. Luật cũng quy định quyền của công dân trong việc chủ động tìm kiếm, khai thác thông tin do cơ quan nhà nước công khai và yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin.

Việc thực hiện nghiêm và hiệu quả các quy định của Luật tiếp cận thông tin và Nghị định số 13/2018/NĐ-CP là giải pháp vô cùng quan trọng nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước. Qua việc cung cấp thông tin, hoạt động của cơ quan nhà nước sẽ được công khai đến người dân, các cơ quan nhà nước hoạt động có trách nhiệm và hiệu quả hơn, tăng cường trách nhiệm giải trình và tính minh bạch trong thực thi quyền lực nhà nước; góp phần đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

Về phía người dân và doanh nghiệp, thực hiện quyền tiếp cận thông tin tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp có thêm thông tin để thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh mà không phải tốn nhiều chi phí cho việc tìm kiếm và khai thác thông tin. Bên cạnh đó, khi có thông tin, người dân và doanh nghiệp sẽ tham gia hiệu quả hơn vào các công việc của nhà nước và giám sát các hoạt động của cơ quan nhà nước. Ngoài ra, khi loại thông tin người dân được tiếp cận được quy định rõ, việc cung cấp thông tin được thực hiện theo quy trình, trình tự thủ tục chặt chẽ cũng là biện pháp hữu hiệu bảo vệ bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân của các doanh nhân, doanh nghiệp không bị tiết lộ một cách trái pháp luật, gây tổn hại tới cá nhân và doanh nghiệp.

Để đạt được những mục tiêu nêu trên của Luật tiếp cận thông tin và Nghị định số 13/2018/NĐ-CP phụ thuộc vào quá trình tổ chức thực thi Luật và Nghị định. Trong Luật và Nghị định đều đã có các quy định về biện pháp bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc cung cấp thông tin, các biện pháp về mặt kỹ thuật, công nghệ thông tin (như xây dựng cơ sở dữ liệu, trang/cổng thông tin điện tử; lập danh mục thông tin phải được công khai, danh mục thông tin được tiếp cận có điều kiện...); các biện pháp tổ chức thực hiện Luật và Nghị định (như xây dựng Quy chế nội bộ cung cấp thông tin, bố trí cán bộ/bộ phận đầu mối cung cấp thông tin của cơ quan...).

Theo Điều 17 của Luật Tiếp cận thông tin, các thông tin sau đây phải được công khai rộng rãi:

a) Văn bản quy phạm pháp luật; văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung; điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là một bên; thủ tục hành chính, quy trình giải quyết công việc của cơ quan nhà nước;

b) Thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan nhà nước;

c) Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; nội dung và kết quả trưng cầu ý dân, tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước mà đưa ra lấy ý kiến Nhân dân theo quy định của pháp luật; đề án và dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính;

d) Chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương; quy hoạch ngành, lĩnh vực và phương thức, kết quả thực hiện; chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan nhà nước;

đ) Thông tin về dự toán ngân sách nhà nước; báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước; quyết toán ngân sách nhà nước; dự toán, tình hình thực hiện, quyết toán ngân sách đối với các chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách nhà nước; thủ tục ngân sách nhà nước;

e) Thông tin về phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn viện trợ phi chính phủ theo quy định; thông tin về quản lý, sử dụng các khoản cứu trợ, trợ cấp xã hội; quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của Nhân dân, các loại quỹ;

g) Thông tin về danh mục dự án, chương trình đầu tư công, mua sắm công và quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công; thông tin về đấu thầu; thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá đất; thu hồi đất; phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn;

h) Thông tin về hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp; báo cáo đánh giá kết quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp; báo cáo giám sát tình hình thực hiện công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp và cơ quan nhà nước đại diện chủ sở hữu; thông tin về tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp nhà nước;

i) Thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có tác động tiêu cực đến sức khỏe, môi trường; kết luận kiểm tra, thanh tra, giám sát liên quan đến việc bảo vệ môi trường, sức khỏe của cộng đồng, an toàn thực phẩm, an toàn lao động;

k) Thông tin về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan và của đơn vị trực thuộc; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết các công việc của Nhân dân; nội quy, quy chế do cơ quan nhà nước ban hành;

l) Báo cáo công tác định kỳ; báo cáo tài chính năm; thông tin thống kê về ngành, lĩnh vực quản lý; cơ sở dữ liệu quốc gia ngành, lĩnh vực; thông tin về tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức; thông tin về danh mục và kết quả chương trình, đề tài khoa học;

m) Danh mục thông tin phải công khai theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 34 của Luật này; tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử của cơ quan nhà nước hoặc người làm đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin;

n) Thông tin liên quan đến lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng;

o) Thông tin về thuế, phí, lệ phí;

p) Thông tin khác phải được công khai theo quy định của pháp luật.

Ngoài thông tin quy định tại khoản 1 Điều 17 của Luật Tiếp cận thông tin, căn cứ vào điều kiện thực tế, cơ quan nhà nước chủ động công khai thông tin khác do mình tạo ra hoặc nắm giữ.

- Cung cấp thông tin theo yêu cầu của người dân (theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin 2016)

## 2. Cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân

Luật Tiếp cận thông tin quy định người dân có quyền chủ động yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin.

Điều 23 của Luật Tiếp cận thông tin quy định cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân.

Thông tin được cung cấp theo yêu cầu bao gồm:

Những thông tin phải được công khai theo quy định tại Điều 17 của Luật này, nhưng thuộc trường hợp sau đây:

a) Thông tin trong thời hạn công khai nhưng chưa được công khai;

b) Thông tin hết thời hạn công khai theo quy định của pháp luật;

c) Thông tin đang được công khai nhưng vì lý do bất khả kháng người yêu cầu không thể tiếp cận được.

Thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình đủ điều kiện cung cấp theo quy định.

Thông tin liên quan đến đời sống, sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh của người yêu cầu cung cấp thông tin nhưng không thuộc loại thông tin quy định tại Điều 17 của Luật này.

Ngoài thông tin nói trên, căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn, điều kiện và khả năng thực tế của mình, cơ quan nhà nước có thể cung cấp thông tin khác do mình tạo ra hoặc nắm giữ.

## 3. Tham vấn xây dựng chính sách

Mỗi chính sách mới (bao gồm văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự án đầu tư công, các quyết định...) đều cần có kế hoạch tham vấn xây dựng chính sách.

Theo quy định, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đều được đăng toàn văn trên cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước nhưng nhận được ít ý kiến góp ý của người dân. Sau khi văn bản quy phạm pháp luật ban hành dư luận mới quan tâm, tranh cãi về một số quy định của pháp luật đã có hiệu lực.

Để có được các ý kiến góp ý, phản biện của các thành phần xã hội, cơ quan nhà nước phải tổ chức các hoạt động truyền thông một cách hiệu quả.

Kế hoạch tham vấn bao gồm các bước sau đây:

- Thông tin đầy đủ, kịp thời để người dân biết về chủ trương xây dựng chính sách mới.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông để thu hút sự quan tâm của người dân đối với vấn đề chính sách.

- Tạo điều kiện để người dân được tham gia bàn bạc, góp ý, phản biện nội dung dự thảo của chủ trương, chính sách mới.

- Tổ chức nghiên cứu, tiếp thu những ý kiến hợp lý của người dân để chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo văn bản chính sách.

**Quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật:**

Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phải được đăng tải toàn văn trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong thời hạn ít nhất là 30 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến.

Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan.

Trong trường hợp lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của nghị quyết thì cơ quan lấy ý kiến có trách nhiệm xác định những vấn đề cần lấy ý kiến và bảo đảm ít nhất là 30 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến để các đối tượng được lấy ý kiến góp ý vào dự thảo văn bản.

Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định của UBND tỉnh phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây (Điều 128 Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật):

a. Khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội ở địa phương; nghiên cứu đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng Nhân dân tỉnh và tài liệu có liên quan đến dự thảo quyết định.

b. Xây dựng dự thảo và tờ trình dự thảo quyết định.

c. Đánh giá tác động văn bản trong trường hợp dự thảo quyết định có quy định cụ thể các chính sách đã được quy định trong văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên; đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong trường hợp được luật giao, đánh giá tác động về giới (nếu có).

Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản và các cơ quan, tổ chức liên quan theo quy định tại Điều 120 của Luật này: cơ quan lấy ý kiến có trách nhiệm xác định những vấn đề cần lấy ý kiến và bảo đảm ít nhất là 30 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến để các đối tượng được lấy ý kiến góp ý vào dự thảo văn bản.

Khi soạn thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan lấy ý kiến có trách nhiệm xác định những vấn đề cần lấy ý kiến và bảo đảm ít nhất là 7 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến để các đối tượng được lấy ý kiến góp ý vào dự thảo quyết định.

Khi soạn thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, quyết định của Ủy ban nhân dân xã, căn cứ vào tính chất và nội dung của dự thảo nghị quyết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã tổ chức việc lấy ý kiến và tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan, của nhân dân tại các thôn, làng, buôn, ấp, bản, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố về dự thảo nghị quyết bằng các hình thức thích hợp.

## Phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí

Phát ngôn là hoạt động cung cấp thông tin cho báo chí của người có trách nhiệm phát ngôn.

Thông tin do người có trách nhiệm phát ngôn cung cấp là thông tin chính thức của cơ quan nhà nước. Người cung cấp thông tin là nhân danh nhà nước. Báo chí sử dụng thông tin chính thức do người có trách nhiệm phát ngôn thì không cần kiểm chứng thông tin, và không phải chịu trách nhiệm khi nội dung phát ngôn không chuẩn xác.

Người phát ngôn cung cấp thông tin không chính xác thì phải chịu trách nhiệm và phải tự đính chính thông tin không chính xác đã cung cấp.

Ngoài người có trách nhiệm phát ngôn, mọi cán bộ công chức đều có quyền cung cấp thông tin cho báo chí. Những người này cung cấp thông tin với tư cách cá nhân, và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chuẩn xác của thông tin.

a. Người thực hiện phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; tổng cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, gồm:

- Người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước;

- Người được người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước giao nhiệm vụ phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí thường xuyên (sau đây gọi chung là người phát ngôn);

- Người có trách nhiệm thuộc cơ quan hành chính nhà nước được người đứng đầu ủy quyền thực hiện phát ngôn (sau đây gọi chung là người được ủy quyền phát ngôn) hoặc giao nhiệm vụ phối hợp cùng người phát ngôn thực hiện phát ngôn hoặc cung cấp thông tin cho báo chí về những vấn đề cụ thể được giao.

**Các cơ quan nhà nước khác:**

- Người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước;

- Trường hợp người đứng đầu cơ quan hành chính không thể thực hiện phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí thì ủy quyền cho cấp phó là người được giao phụ trách cơ quan thực hiện việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí.

Việc ủy quyền phát ngôn được thực hiện bằng văn bản, chỉ áp dụng trong từng vụ việc và có thời hạn nhất định.

### b. Hình thức phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí

- Tổ chức họp báo.

- Đăng tải nội dung phát ngôn và cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử hoặc trang mạng xã hội chính thức của cơ quan hành chính nhà nước.

- Phát ngôn trực tiếp hoặc trả lời phỏng vấn của nhà báo, phóng viên.

- Gửi thông cáo báo chí, nội dung trả lời cho cơ quan báo chí, nhà báo, phóng viên bằng văn bản hoặc qua thư điện tử.

- Cung cấp thông tin qua trao đổi trực tiếp hoặc tại các cuộc giao ban báo chí do trung ương, địa phương tổ chức khi được yêu cầu.

- Ban hành văn bản đề nghị cơ quan báo chí đăng, phát phản hồi, cải chính, xin lỗi nội dung thông tin trên báo chí.

c. Phát ngôn và cung cấp thông tin trong trường hợp đột xuất, bất thường

- Trường hợp xảy ra sự cố mang tính quốc gia liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, sức khỏe của cộng đồng, trừ trường hợp ban bố tình trạng khẩn cấp, Thủ tướng Chính phủ hoặc người phát ngôn của Chính phủ thực hiện phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí ngay sau khi sự cố xảy ra và thường xuyên trong quá trình xử lý sự cố.

- Đối với sự cố liên quan đến nhiều bộ, ngành, nhiều tỉnh, thành phố, bộ, cơ quan ngang bộ hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được Chính phủ giao chủ trì xử lý phải thực hiện phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí thường xuyên trong quá trình xử lý sự cố.

- Người phát ngôn hoặc người được ủy quyền phát ngôn có trách nhiệm phát ngôn và cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho báo chí trong các trường hợp đột xuất, bất thường sau đây:

+ Khi xảy ra các sự kiện, vấn đề quan trọng có tác động lớn trong xã hội hoặc khi dư luận xuất hiện nhiều ý kiến không thống nhất về một vấn đề thuộc phạm vi quản lý của cơ quan hành chính nhà nước thì người phát ngôn hoặc người được ủy quyền phát ngôn phải thực hiện phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí để cảnh báo kịp thời và định hướng dư luận.

Trường hợp xảy ra vụ việc cần có ngay thông tin ban đầu của cơ quan hành chính nhà nước thì người phát ngôn hoặc người được ủy quyền phát ngôn có trách nhiệm chủ động phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí trong thời gian chậm nhất là 24 giờ, kể từ khi vụ việc xảy ra.

+ Khi cơ quan báo chí hoặc cơ quan chỉ đạo, quản lý nhà nước về báo chí có yêu cầu phát ngôn hoặc cung cấp thông tin về các sự kiện, vấn đề của cơ quan, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan đã được nêu trên báo chí hoặc về các sự kiện, vấn đề nêu tại điểm a khoản 3 Điều này.

+ Khi có căn cứ cho rằng báo chí đăng, phát thông tin sai sự thật về lĩnh vực, địa bàn do cơ quan mình quản lý, người phát ngôn hoặc người được ủy quyền phát ngôn yêu cầu cơ quan báo chí đó phải đăng, phát ý kiến phản hồi, cải chính theo quy định của pháp luật.

### d. Người phát ngôn, người được ủy quyền phát ngôn có quyền từ chối, không phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí trong các trường hợp sau đây:

- Thông tin thuộc danh Mục bí mật nhà nước, bí mật thuộc nguyên tắc và quy định của Đảng, bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác theo quy định của pháp luật;

- Thông tin về vụ án đang được điều tra hoặc chưa xét xử;

- Thông tin về vụ việc đang trong quá trình thanh tra chưa có kết luận thanh tra; vụ việc đang trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo; những vấn đề tranh chấp, mâu thuẫn giữa các cơ quan nhà nước đang trong quá trình giải quyết, chưa có kết luận chính thức của người có thẩm quyền mà theo quy định của pháp luật chưa được phép công bố;

- Những văn bản chính sách, đề án đang trong quá trình soạn thảo mà theo quy định của pháp luật chưa được cấp có thẩm quyền cho phép công bố.

Trong trường hợp các cơ quan báo chí đăng, phát không chính xác nội dung thông tin mà người phát ngôn, người được ủy quyền phát ngôn đã phát ngôn, người phát ngôn, người được ủy quyền phát ngôn có quyền nêu ý kiến phản hồi bằng văn bản đến cơ quan báo chí, cơ quan chủ quản báo chí, cơ quan quản lý nhà nước về báo chí hoặc khởi kiện tại Tòa án.